TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12- ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **92**/2026/HNGĐ - ST
Ngày: 24 - 8 - 2026
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thận

2. Ông Nguyễn Ngọc Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ái Vi – Thư ký của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12- Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 270/2026/TLST- HNGĐ, ngày 05 tháng 6 năm 2026 về tranh chấp "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 397/2026/QĐST - HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1996 (Có mặt)
Bị đơn: Anh Nguyễn Tự Tr, sinh năm 1993 (Vắng mặt)
Cùng địa chỉ: Thôn 14 (nay là thôn A), xã B, thành phố Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Nguyễn Tự Tr tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước (cũ) vào ngày 13/4/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị T và anh Tr chung sống hạnh phúc. Đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T và anh Tr đã ly thân từ tháng 5/2026 cho đến nay. Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh Tr để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị T và anh Tr có 02 người con chung là cháu Nguyễn Thành V, sinh ngày 05/3/2018 và cháu Nguyễn Huy H, sinh ngày 18/4/2024. Nay ly hôn chị

T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V và cháu H cho đến khi các cháu thành niên.

Về vấn đề cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu anh Tr phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Tự Tr mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai.

Cháu Nguyễn Thành V trình bày: Cháu V là con ruột của chị Nguyễn Thị Cẩm T và anh Nguyễn Tự Tr. Cháu V có nguyện vọng được ở với mẹ là chị Nguyễn Thị Cẩm T nếu chị T và anh Tr ly hôn.

Tại phiên tòa bị đơn anh Tr vắng mặt, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Đồng Nai có quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

Đối với sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do nên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Cẩm T; về con chung giao cháu Nguyễn Thành V, sinh ngày 05/3/2018 và cháu Nguyễn Huy H, sinh ngày 18/4/2024 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu V, cháu H đủ 18 tuổi; không đặt ra vấn đề cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

Về án phí sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Cẩm T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Tự Tr. Hiện nay bị đơn có nơi cư trú tại thôn 14 (nay là thôn A), xã B, thành phố Đồng Nai. Hội đồng xét xử thấy tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn thuộc lĩnh vực hôn nhân gia đình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 12- Đồng Nai.

[2] Đối với việc vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Tự Tr. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc cấp tống đạt các văn bản tố tụng cho anh Tr theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, anh Tr vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn anh Tr.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Tr tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước (cũ). Điều này phù hợp với Trích lục kết hôn số 379/2026/TLKH - BS ngày 01/6/2026 của Ủy ban nhân dân xã B, thành phố Đồng Nai đã được chị T cung cấp. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Tr là hợp pháp.

[4] Về mâu thuẫn gia đình: Theo trình bày của chị T trong thời gian chung sống, anh Tr và chị T phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên đã sống ly thân từ tháng 5/2026 cho đến nay. Tại kết quả xác minh tình trạng hôn nhân ngày 31/7/2026 của Tòa án tại địa phương cũng xác định chị T và anh Tr có bất đồng quan điểm nên không sống chung cùng nhau mà chị T sống cùng cháu V, cháu H tại nhà bố mẹ ruột của chị T. Xét thấy, mâu thuẫn gia đình giữa chị T và anh Tr là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận nguyện vọng ly hôn của chị T.

[5] Về con chung: Chị T và anh Tr có 02 con chung là cháu Nguyễn Thành V, sinh ngày 05/3/2018 và cháu Nguyễn Huy H, sinh ngày 18/4/2024. Xét thấy hiện nay cháu V, cháu H đang do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, các cháu đang sinh sống và học tập ổn định. Cháu H đang còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ; cháu V có nguyện vọng ở với chị T nên cần chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu V và cháu H cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự buộc nguyên đơn chị T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo luật định.

[9] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Cẩm T về việc ly hôn. Chị T được ly hôn với anh Nguyễn Tự Tr.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thành V, sinh ngày 05/3/2018 và cháu Nguyễn Huy H, sinh ngày 18/4/2024 cho chị Nguyễn Thị Cẩm T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu V, cháu H đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp trước là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền số 0013352 ngày 05/6/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đồng Nai.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Đồng Nai;
- VKSND khu vực 12- Đồng Nai;
- THADS TP. Đồng Nai;
- UBND xã B, TP. Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Đào